

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 05/02/2021
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Viết Sang.

Bà Nguyễn Thị Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố HB, thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG.

Bị đơn: **Anh Ngô Minh S**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố HB, thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, bản tự khai của chị Nguyễn Thị T, bản tự khai của anh Ngô Minh S và tại phiên tòa, thì vụ kiện có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh S kết hôn với nhau vào ngày mùng 7 tháng 4 năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung cùng gia đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 03 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh S có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ảnh hưởng đến con cái và gia đình. Ngoài ra anh S còn thường xuyên rượu chè cờ bạc

về đánh chửi vợ con. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Anh S xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Việc chị T cho rằng anh có quan hệ bất chính với người khác là không đúng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị T, anh S thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là Ngô Minh Toàn, sinh ngày 03/03/2009 và Ngô Minh Tâm, sinh ngày 02/10/2013. Vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là 3 triệu đồng trên một tháng. Anh S đề nghị mỗi người nuôi một con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng công nợ chung: Chị T, anh S thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Trưởng khu phố HB, thị trấn BH cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh S kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BH. Sau khi kết hôn, ban đầu vợ chồng anh S chung sống hạnh phúc, sau này cũng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Đến tháng 3/2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh S hay rượu chè về nhà chửi bới chị T. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay địa phương xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị T là rất trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho các bên được ly hôn.

- Về con chung; Vợ chồng anh S có hai con chung, khi giải quyết ly hôn đề nghị giao cho chị T nuôi cả hai con chung là đảm bảo vì chị T có điều kiện chăm sóc các con tốt hơn anh S.

- Về tài sản: Do các bên không có yêu cầu nên địa phương không có ý kiến gì.

* Cháu Ngô Minh Toàn và cháu Ngô Minh Tâm trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Ngô Minh S vắng mặt và không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Minh S .

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi hai con chung là Ngô Minh Toàn, sinh ngày 03/03/2009 và Ngô Minh Tâm, sinh ngày 02/10/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh S được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Ngô Minh S. Bị đơn anh Ngô Minh S có địa chỉ cư trú tại phố HB, thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Bị đơn là anh Ngô Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh S kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 4 năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BH, huyện YT, tỉnh BG. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị T và anh S có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình làm việc tại tòa án, chị T kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh S, tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn. Anh Ngô Minh S cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị T và anh S đã phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để các bên về đoàn tụ. Tuy nhiên anh Ngô Minh S vắng mặt do vậy không thể tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Minh S.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh S có hai con chung là Ngô Minh Toàn, sinh ngày 03/03/2009 và Ngô Minh Tâm, sinh ngày 02/10/2013. Vợ chồng ly hôn, chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh S có nguyện vọng được nuôi một con chung. Trong lời khai của mình cháu Ngô Minh Toàn và Ngô Minh Tâm đều có nguyện vọng được ở với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị T, anh S có hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ kiện chị T và anh S không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Toàn và cháu Tâm về nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Trong lời khai của mình cháu Ngô Minh Toàn và Ngô Minh Tâm đều có nguyện vọng được ở với chị T. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương về điều kiện kinh tế của chị T và anh S để giải quyết việc nuôi con chung. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị T hiện tại có điều kiện tốt hơn anh S, địa phương cũng đề nghị giao cháu Toàn và cháu Tâm cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu Toàn và cháu Tâm, cần giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi cả hai con chung là Ngô Minh Toàn và Ngô Minh Tâm là phù hợp với nguyện vọng của cháu Toàn và cháu Tâm và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh S không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không có công nợ, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Minh S.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Ngô Minh Toàn, sinh ngày 03/03/2009 và Ngô Minh Tâm, sinh ngày 02/10/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh S được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002483 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND thị trấn BH, huyện YT;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng